

**ĐỀ ÁN**

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn,  
khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến  
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Thực hiện Luật Chăn nuôi năm 2018; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

**II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Quảng Nam là một tỉnh nông nghiệp với hơn 70% dân số sống ở vùng nông thôn, trong đó phần lớn người dân gắn với sản xuất chăn nuôi. Chăn nuôi không những đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng hàng ngày mà còn là nguồn thu nhập chính của phần lớn người dân hiện nay. Trong những năm gần đây ngành chăn nuôi của tỉnh có xu hướng phát triển, tổng sản lượng sản phẩm chăn nuôi qua các năm tăng, chăn nuôi quy mô nông hộ giảm dần, chăn nuôi quy mô trang trại có xu hướng phát triển nhất là tại các huyện miền núi, nhiều giống vật nuôi mới có chất lượng được du nhập góp phần đa dạng hóa giống vật nuôi. Nhiều cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, được hình thành, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và tham gia xuất khẩu.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Ngành chăn nuôi của tỉnh còn nhiều tồn tại, khó khăn: mức độ rủi ro cao do dịch bệnh, nhiều loại dịch bệnh mới chưa có vắc xin và thuốc để phòng, điều trị, sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị chưa phát triển, chất lượng sản phẩm thiếu tính cạnh tranh trên thị trường, sản phẩm chủ yếu phục vụ thị trường tiêu thụ nội địa...; ngoài ra, tình trạng ô nhiễm môi trường sống và môi trường sinh thái do chất thải chăn nuôi vẫn chưa được khắc phục.

Một trong những nguyên nhân tồn tại nêu trên là do hoạt động chăn nuôi tại các khu dân cư vẫn còn phổ biến. Thực tế trong những năm qua, đã có nhiều kiến nghị của người dân về việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, chim yến trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường; chính quyền địa phương và ngành chức năng gặp nhiều khó khăn trong việc xử lý các trường hợp nêu trên do chưa có đầy đủ sở sở pháp lý để thực hiện.

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững; đồng thời tạo khung pháp lý cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi, việc ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến là rất cần thiết.

## PHẦN I

### TỔNG QUAN

#### I. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI

##### 1. Tổng đàn vật nuôi, sản lượng sản phẩm chăn nuôi

Theo số liệu từ Cục Thống kê, tổng đàn vật nuôi và sản lượng sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh qua các năm như sau:

**Bảng 1. Tổng đàn vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi qua các năm**

TT	Loại vật nuôi/sản phẩm chăn nuôi	ĐVT	Số lượng qua các năm				Tốc độ tăng trưởng (%/năm)
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
<b>I</b>	<b>Tổng đàn</b>		7.215.487	7.900.693	8.426.397	8.707.520	+6,47
1	Trâu	con	68.843	63.783	61.838	59.316	-4,84
2	Bò	con	183.103	167.881	171.006	172.328	-2,00
3	Lợn	con	425.541	483.029	219.553	297.686	-11,23
4	Gia cầm	con	6.538.000	7.186.000	7.974.000	8.178.190	+7,75
	<b>Trong đó tổng đàn của chăn nuôi quy mô trang trại</b>		<b>748.000</b>	<b>991.680</b>	<b>1.003.680</b>	<b>1.149.718</b>	
1	Trâu	con	0	0	0	11	

TT	Loại vật nuôi/sản phẩm chăn nuôi	ĐVT	Số lượng qua các năm				Tốc độ tăng trưởng (%/năm)
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	Bò	con	0	350	530	2.143	
2	Lợn	con	67.000	71.330	76.150	90.364	
3	Gia cầm	con	681.000	920.000	972.000	1.123.250	
<b>II</b>	<b>Sản phẩm chăn nuôi</b>		<b>56.905</b>	<b>59.337</b>	<b>55.473</b>	<b>53.139</b>	<b>-2,26</b>
<b>1</b>	<b>SL thịt gia súc hơi</b>	tấn	<b>44.465</b>	<b>46.181</b>	<b>40.592</b>	<b>36.559</b>	<b>-6,32</b>
a)	SL thịt trâu hơi	tấn	1.957	2.260	2.257	2.103	+2,43
b)	SL thịt bò hơi	tấn	10.450	10.109	10.995	11.072	+1,95
c)	SL thịt lợn hơi	tấn	32.058	33.812	27.340	23.384	-9,98
<b>2</b>	<b>SL thịt gia cầm hơi</b>	tấn	<b>12.440</b>	<b>13.156</b>	<b>14.881</b>	<b>16.580</b>	<b>+10,05</b>

## 2. Trang trại chăn nuôi

**Bảng 2. Số lượng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại qua các năm**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
		2017	2018	2019	2020
<b>Tổng số trang trại chăn nuôi</b>	<b>cơ sở</b>	<b>157</b>	<b>175</b>	<b>178</b>	<b>353</b>
- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi sở hữu	cơ sở	89	104	101	272
- Liên kết chăn nuôi gia công	cơ sở	68	71	77	81

(Nguồn: Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố qua các năm).

Phương thức chăn nuôi theo quy mô trang trại phát triển, số lượng cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại tăng dần qua các năm. Tổng đàn chăn nuôi quy mô trang trại chiếm 13,20% (1.149.718 con)/tổng đàn gia súc, gia cầm của toàn tỉnh (8.707.520 con), trong đó tổng đàn lợn chăn nuôi quy mô trang trại chiếm 30,36% (90.364 con)/tổng đàn lợn của tỉnh (297.686 con), tổng đàn gia cầm đạt 13,73% (1.123.250 con/tổng đàn của toàn tỉnh 8.178.190 con) (số liệu năm 2020). Đồng thời, có sự chuyển dịch chăn nuôi quy mô trang trại từ vùng có mật độ dân số cao đến những vùng có mật độ dân số thấp (khu vực miền núi)<sup>(1)</sup>. Ngoài ra, hình thức liên kết sản xuất trong chăn nuôi cũng đang phát triển, có 2 hình thức: chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp và liên kết hình thành Hợp tác xã, tổ hợp tác, hội chăn nuôi.

(1) Năm 2017: Có 9/157 trang trại (chiếm 4,5% so với tổng số trang trại toàn tỉnh). Năm 2020: Có 52/353 trang trại (chiếm 14,73% so với tổng số trang trại toàn tỉnh).

### **3. Tình hình nuôi chim yến**

- Tại thời điểm tháng 8/2020, toàn tỉnh có 178 cơ sở nuôi chim yến (tăng 40 cơ sở so với năm 2018) và 01 đảo yến tự nhiên (đảo Cù Lao Chàm - thành phố Hội An), trong đó tập trung nhiều nhất tại thành phố Hội An (45 cơ sở) và thành huyện Núi Thành (32 cơ sở). Tổng diện tích sàn nuôi khoảng 28.700 m<sup>2</sup>. Trong tổng số 178 cơ sở nuôi chim yến, có 36 cơ sở được xây kiên cố chuyên dùng nuôi chim yến, số còn lại được coi nới trên nhà ở của gia đình đang sinh sống.

- Hầu hết nhà nuôi chim yến đều nằm trong khu dân cư, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh, nhất là ô nhiễm bởi âm thanh dẫn dụ chim yến.

- Sản lượng sản phẩm tổ yến năm 2020 đạt khoảng 1.700 kg. Sản phẩm từ yến nuôi chủ yếu được tiêu thụ thị trường trong nước, đối với yến đảo, tổ yến được xuất ủy thác sang thị trường Hồng Kông.

- Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước trong hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh gặp một số khó khăn như:

+ Trước khi Luật Chăn nuôi ra đời, việc quản lý nuôi chim yến căn cứ Thông tư số 35/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tạm thời về quản lý nuôi chim yến. Tuy nhiên, Thông tư này chỉ quy định nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và PTNT, không quy định trách nhiệm của UBND các cấp nên việc quản lý nuôi chim yến ở địa phương gặp nhiều khó khăn.

+ Việc kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh thú y, môi trường đối với các cơ sở nuôi chim yến chưa được thực hiện định kỳ do đặc tính sinh học của chim yến và yêu cầu khắt khe về kỹ thuật nuôi chim yến (mẫn cảm với các mùi, hóa chất lạ, các tác động từ bên ngoài...)

+ Chính phủ chưa ban hành quy định xử phạt hành chính trong hoạt động nuôi chim yến nên cơ quan chức năng không có cơ sở xử lý các hành vi vi phạm.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, để tăng cường, quản lý hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh, ngày 13/8/2018 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4449/UBND-KTN, trong đó có quy định rõ trách nhiệm của UBND các cấp, Sở, ngành liên quan trong quản lý nuôi chim yến. Tuy nhiên, do đây chỉ là văn bản hành chính thông thường nên việc áp dụng để quản lý trên thực tế không triệt để.

### **4. Số cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm (bao gồm chăn nuôi quy mô nông hộ và chăn nuôi quy mô trang trại)**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có gần 312.262 cơ sở chăn nuôi (gồm: 353 cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại, 311.909 cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ), trong đó số cơ sở chăn nuôi nằm trong nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư chiếm 97,41% (cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại chiếm 81,30% và cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ chiếm 97,42%).

**Bảng 3. Số lượng cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến tháng 12/2020**

TT	Quy mô chăn nuôi	Tổng số cơ sở chăn nuôi (cơ sở)	Trong đó	
			Số cơ sở chăn nuôi trong nội thành, nội thị, khu dân cư (cơ sở)	Số cơ sở chăn nuôi ngoài khu dân cư (cơ sở)
<b>1</b>	<b>Chăn nuôi quy mô trang trại</b>	<b>353</b>	<b>287</b>	<b>66</b>
a)	Chăn nuôi gia súc	201	142	59
b)	Chăn nuôi gia cầm	152	145	07
<b>2</b>	<b>Chăn nuôi quy mô nông hộ</b>	<b>311.909</b>	<b>303.876</b>	<b>8.033</b>
a)	Chăn nuôi gia súc	134.302	129.742	4.560
b)	Chăn nuôi gia cầm	177.607	174.134	3.473
	<b>Tổng</b>	<b>312.262</b>	<b>304.163</b>	<b>8.099</b>

(*Nguồn*: Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố).

## **5. Đánh giá chung về tình hình chăn nuôi của tỉnh**

### **a) Những mặt đạt được**

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi của tỉnh đạt được một số kết quả nổi bật như:

- Chăn nuôi quy mô trang trại phát triển, chăn nuôi quy mô nông hộ giảm dần; các hình thức liên kết trong sản xuất chăn nuôi đang phát triển.

- Có sự chuyển dịch chăn nuôi quy mô trang trại từ vùng đồng bằng lên miền núi (số lượng cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại tại các huyện miền núi năm 2017, 2020 tương ứng là: 09 trang trại, 52 trang trại).

- Đã xây dựng được quy hoạch khu chăn nuôi tập trung và thực hiện tốt công tác kêu gọi đầu tư phát triển chăn nuôi tập trung vào các khu quy hoạch.

- Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi (quy mô chăn nuôi trang trại, quy mô chăn nuôi nông hộ, phương án thí điểm chăn nuôi an toàn sinh học tại các huyện miền núi), chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ phát triển đàn vật nuôi (hỗ trợ vắc xin tiêm phòng một số bệnh, vắc xin, hóa chất xử lý ô dịch...).

### **b) Một số tồn tại, hạn chế**

- Tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp tăng chậm (năm 2017 đạt: 25,68%, năm 2020 đạt: 26,05%).

- Chăn nuôi trang trại phát triển chủ yếu là trang trại quy mô vừa nên sản phẩm mang tính hàng hóa chưa nhiều, phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa là chính.

- Toàn tỉnh chưa có cơ sở chăn nuôi đạt các yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm để phục vụ xuất khẩu.

- Hầu hết các cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ không tách biệt nơi ở của người (quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Chăn nuôi).

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi (nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư) chiếm tỷ lệ quá cao.

- Việc áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học để phòng bệnh, chống dịch bệnh gặp nhiều khó khăn, nguy cơ xảy ra dịch bệnh trên đàn vật nuôi cũng như lây truyền một số bệnh từ động vật sang người rất cao.

- Gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng dân cư xung quanh.

## II. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

Sơ lược tình hình dịch bệnh của một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm qua các năm.

### 1. Bệnh lở mồm long móng gia súc

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm			
			2017	2018	2019	2020
1	Tổng số gia súc mắc bệnh	con	336	531	1.869	3.434
	- Trâu, bò	"	296	449	571	3.398
	- Lợn	"	40	82	1.298	36
2	Số gia súc mắc bệnh, chết tiêu hủy	"	24	36	833	105
3	Số xã có dịch	lượt xã	17	24	54	98
4	Số hộ có dịch	hộ	122	170	305	1.262

### 2. Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) xảy ra từ giữa tháng 5/2019, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 38.501 lượt hộ, 1.270 lượt thôn, 354 lượt xã có dịch; tổng số lợn tiêu hủy 156.522 con, trọng lượng tiêu hủy 9.338.817 kg.

#### \* Nhận xét về tình hình dịch bệnh

- Đối với bệnh lở mồm long móng gia súc: Hầu hết, dịch xảy ra ở cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ, không tiêm vắc xin phòng bệnh, không áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi thả rông không có chuồng trại (nhất là các hộ chăn nuôi trâu bò ở huyện miền núi).

- Đối với bệnh DTLCP: Xảy ra chủ yếu ở quy mô nông hộ, chỉ có 01 trang trại quy mô vừa bị nhiễm vi rút DTLCP. Thống kê qua đợt dịch từ năm 2019 đến năm 2020 cho thấy, toàn tỉnh có 99,72% số cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ có lợn tiêu hủy do bệnh DTLCP; có 100% số cơ sở chăn nuôi tái phát dịch bệnh DTLCP là chăn nuôi quy mô nông hộ.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi;
- Về hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng đảm bảo theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Việc quy định thời gian ngừng hoạt động chăn nuôi, thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo lộ trình đảm bảo thời hạn quy định trong Luật Chăn nuôi.

#### **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Nâng cao khả năng quản lý ngành chăn nuôi của tỉnh, quản lý được dịch bệnh trên đàn vật nuôi, phòng, chống các bệnh lây truyền từ động vật sang người, sản phẩm chăn nuôi tạo ra đảm bảo an toàn thực phẩm; tạo được niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực chăn nuôi quy mô trang trại.
- Hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tiếng ồn do chăn nuôi không đúng quy định, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Hình thành khung pháp lý trong việc quản lý hoạt động chăn nuôi phù hợp theo từng loại hình quy mô chăn nuôi; thúc đẩy chăn nuôi phát triển bền vững.
- Thực hiện được các yêu cầu về điều kiện chăn nuôi đối với từng loại hình quy mô chăn nuôi, đặc biệt đối với quy mô chăn nuôi nông hộ theo quy định của pháp luật.
- Giảm dần chăn nuôi quy mô nông hộ, phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, làm cơ sở cho chăn nuôi phát triển bền vững, tạo ra những sản phẩm chăn nuôi có giá trị cao trên thị trường, đồng thời mang lại cơ hội xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật sang các nước khác, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.
- Có 100% số xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) lập cam kết với hộ chăn nuôi không được phép chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn và khu dân cư trong năm 2021.
- 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh tiếp cận được với quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn và khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến qua các kênh thông tin đại chúng: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, xã, tờ rơi, pano...
- Đến năm 2022 có 10% số cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi dừng hoạt động.

- Đến năm 2023 có 30% số cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi dừng hoạt động.

- Đến năm 2024 có 60% số cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi dừng hoạt động.

- Đến năm 2025 có 90% số cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi dừng hoạt động.

- Đến cuối tháng 4 năm 2026 toàn tỉnh có 100% số cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi dừng hoạt động.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến chăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

### **IV. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Những từ ngữ giải thích trong Nghị quyết này được hiểu như sau:

1. *Vật nuôi* bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác (trừ chim yến). Gia súc là các loài động vật có vú, có 04 chân được con người thuần hóa và chăn nuôi; gia cầm là các loài động có 02 chân, có lông vũ, thuộc nhóm động vật có cánh được con người thuần hóa và chăn nuôi; động vật khác trong chăn nuôi là động vật ngoài gia súc, gia cầm và ngoài danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật rừng thông thường, động vật thủy sản, danh mục động vật rừng hoang dã thuộc phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

2. *Đơn vị vật nuôi* là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống. Đơn vị vật nuôi (viết tắt là ĐVN) của từng loại vật nuôi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

3. *Cơ sở chăn nuôi* là nơi nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi. Cơ sở chăn nuôi bao gồm: chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên), chăn nuôi trang trại quy mô vừa (từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi), chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi) và chăn nuôi nông hộ (dưới 10 đơn vị vật nuôi).

4. *Nhà yến* là công trình xây dựng mới hoặc cải tạo để nuôi chim yến.

5. *Loa phóng* là thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến, được đặt ở ngoài cửa lối ra, vào của chim yến.

6. *Khu dân cư* là nơi tập hợp người dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong phạm vi một khu vực nhất định, bao gồm: thôn, xóm, làng, bản, tổ dân phố (khu phố, khối phố) và đơn vị dân cư tương đương.

7. *Khu trung tâm xã (phường, thị trấn)* được quy định tại tiết 2.16.6.1 điểm 2.16.6 khoản 2.16 mục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng (mã số QCVN 01:2019/BXD).

8. *Địa điểm chăn nuôi mới* là địa điểm nằm trong quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phê duyệt của UBND tỉnh hoặc theo quy hoạch nông thôn mới do UBND cấp huyện phê duyệt.

## **V. QUY ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI; VÙNG NUÔI CHIM YẾN**

### **1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi**

Đối tượng thuộc khoản 2 mục III Đề án này không được bố trí cơ sở chăn nuôi ở những khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư, cụ thể như sau:

1. Các phường: Tân Thạnh, An Mỹ, Phước Hòa, An Sơn, An Xuân, An Phú (thuộc thành phố Tam Kỳ), Minh An, Sơn Phong, Cẩm Phô, Tân An, Cửa Đại, Cẩm An (thuộc thành phố Hội An), Vĩnh Điện (thuộc thị xã Điện Bàn).

2. Khu trung tâm xã, thị trấn, phường còn lại trên địa bàn tỉnh.

3. Các khu vực còn lại:

a) Đối với chăn nuôi nông hộ: Những địa điểm không đảm bảo tách biệt với nơi ở của người và không có hệ thống thu gom và hệ thống xử lý chất thải đủ công suất (như: biogas hoặc đệm lót sinh học phù hợp).

b) Đối với chăn nuôi trang trại: Những địa điểm không đảm bảo khoảng cách theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và Quyết định số 06/QĐ-BNN-CN ngày 02/01/2020 của Cục Chăn nuôi về việc đính chính Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

### **2. Quy định vùng nuôi chim yến**

Đối tượng thuộc khoản 2 mục III Đề án này được phép bố trí nhà yến ở những nơi đảm bảo cách khu dân cư, trường học, chợ, bệnh viện tối thiểu 300 mét, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định khác có liên quan.

## **PHẦN III**

### **HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Hiệu quả về kinh tế**

- Giảm dần chăn nuôi quy mô nông hộ, phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, kiểm soát được dịch bệnh, môi trường chăn nuôi, hình thành các liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, tạo ra sản phẩm hàng hóa cạnh tranh trên thị trường, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

- Trình độ nhận thức, khả năng tiếp cận, dự đoán thị trường của người chăn nuôi được nâng lên; chủ động trong việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức chăn nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ từng thời điểm, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

#### **2. Hiệu quả về xã hội**

- Nhận thức của người dân và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi, bảo vệ môi trường được nâng lên.

- Tạo môi trường, cảnh quan sạch đẹp, không bị ô nhiễm bởi chất thải chăn nuôi tại các khu vực nội thành, nội thị, khu dân cư.

## **PHẦN IV**

### **GIẢI PHÁP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Về công tác quản lý nhà nước**

a) Các ngành chức năng, UBND các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp quản lý, thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn.

b) Các Sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao giải quyết thủ tục hành chính có liên quan trong lĩnh vực đất đai, môi trường... đảm bảo thời gian theo quy định, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác liên quan nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

##### **2. Về công tác thông tin tuyên truyền**

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Chăn nuôi năm 2018, kê khai hoạt động chăn nuôi, khu vực không được phép chăn nuôi; quy định xử lý vi phạm hành chính về chăn nuôi đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi, không kê khai hoạt động chăn nuôi...

- Xây dựng pano tuyên truyền đến từng thôn/bản/khối phố; in phát tờ rơi cho chủ cơ sở chăn nuôi.

- Tổ chức cho chủ chăn nuôi ký cam kết không vi phạm quy định khu vực không được phép chăn nuôi.

### **3. Về chuyên môn, kỹ thuật**

- Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi ở các khâu con giống, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý... đồng thời sử dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến phù hợp với từng quy mô nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về công tác thú y, quản lý dịch bệnh: khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như lở mồm long móng, tai xanh, cúm gia cầm... Cơ quan quản lý chuyên ngành về thú y cấp tỉnh định kỳ tổ chức lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút gây các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm để chủ động dự báo, phòng ngừa dịch bệnh nhằm hạn chế thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi, phòng tránh lây truyền bệnh từ động vật sang người.

### **4. Về quy hoạch**

Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung của tỉnh; đồng thời tổ chức kiểm tra, rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các địa phương, trong đó có quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung, bố trí quỹ đất để đảm bảo nhu cầu chăn nuôi của người dân thực hiện việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

### **5. Về quy trình thực hiện, giải quyết các thủ tục hồ sơ liên quan**

Thực hiện theo quy trình hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đối với các dự án đầu tư chăn nuôi gia súc, gia cầm thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư) và thực hiện giải quyết thủ tục hành chính các hồ sơ có liên quan.

Theo chức năng nhiệm vụ, các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn giải quyết, thẩm định theo đúng thời hạn, đảm bảo đúng tiến độ, tránh gây phiền hà, chậm trễ khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thực hiện.

### **6. Về tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi**

- Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị, liên kết với các doanh nghiệp nhằm đảm bảo đầu ra ổn định, nâng cao năng suất chăn nuôi.

- Ngành chức năng tăng cường công tác dự báo thị trường sản phẩm để người dân xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm, đảm bảo nguồn cung ứng sản phẩm với nhu cầu thị trường tiêu thụ.

### **7. Về nguồn vốn thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm cân đối sử dụng dự toán chi ngân sách Nhà nước được giao hằng năm để thực hiện các nội dung theo thẩm quyền. Cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí để chi cho các hoạt động của tỉnh bao gồm: Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Đề án; tổ chức hướng dẫn, phổ biến, thông tin tuyên truyền, họp sơ kết, tổng kết.

b) Ngân sách cấp huyện đảm bảo: Thống kê, thông tin tuyên truyền, hội nghị triển khai thực hiện, họp sơ kết, tổng kết.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả.

b) Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về chăn nuôi và các lĩnh vực khác liên quan.

c) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án cho UBND tỉnh, đồng thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương, tham mưu đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

d) Tuyên truyền, tổng hợp thống kê từ các địa phương về các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi, làm căn cứ để phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu cơ chế hỗ trợ đối với các cơ sở bị buộc dừng hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi.

2. Sở Tài chính phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất kinh phí để tổ chức, triển khai thực hiện Đề án này.

3. Công an tỉnh theo chức năng, thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi theo quy định.

4. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả.

### **5. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

a) Chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả các giải pháp để kịp thời ngăn chặn, chấm dứt tình trạng chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng người chăn nuôi của địa phương vi phạm quy định khu vực không được phép chăn nuôi trong thời gian đến.

b) Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy định pháp luật về chăn nuôi, nội dung đề án đến tận người chăn nuôi để biết, thực hiện.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới, bố trí quỹ đất để đảm bảo cho người dân có nhu cầu chăn nuôi thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định. Thống kê số lượng các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu

vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý, làm cơ sở để hỗ trợ di dời theo quy định.

d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý và phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi và các lĩnh vực khác liên quan trên địa bàn.

Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

#### 6. UBND cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này đến tất cả người chăn nuôi trên địa bàn quản lý.

b) Căn cứ kết quả kê khai hoạt động chăn nuôi, chịu trách nhiệm lập danh sách các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trên địa bàn thuộc phạm vi điều chỉnh của Đề án này để lập cam kết.

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý và phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi và các lĩnh vực khác liên quan trên địa bàn.

7. Đề nghị UBNDTTQVN, các đoàn thể tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về chăn nuôi, nội dung Đề án đến tận người chăn nuôi để biết, thực hiện và giám sát quá trình thực hiện.

### **III. XỬ LÝ VI PHẠM**

1. Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi vi phạm quy định về điều kiện, hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong chăn nuôi và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị chức năng thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi trong địa bàn cấp tỉnh/huyện/xã theo thẩm quyền.

## **PHẦN V**

### **KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết về Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến để thực hiện./.